TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

2. Bà Vương Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 643/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Số E, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Tái Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ tạm trú: Số E, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Tái Văn Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy đăng ký kết hôn số 45/2015, quyển số 01/2014 cấp ngày 02/6/2015. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, hiện tại tình cảm không còn, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 người con chung tên là Tái Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2015 và Tái Hà Khánh T1, sinh ngày 07/9/2017 (đã chết ngày 12/6/2025). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Tái Hoàng Gia B và không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ để triệu tập ông Đ lên Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng bị đơn không có mặt tại Toà án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn; bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều luật trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Tái Văn Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy đăng ký kết hôn số 45/2015, quyển số 01/2014 cấp ngày 02/6/2015 là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình sống chung, bà T và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, mạnh ai nấy sống, không có sự chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau và hiện tại bà T không còn tình cảm yêu thương ông Đ, do đó mục đích hôn nhân giữa bà T và ông Đ không đạt được nên cần giải quyết cho bà T được ly hôn ông Đ, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 người con chung tên là Tái Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2015 và Tái Hà Khánh T1, sinh ngày 07/9/2017 (đã chết ngày 12/6/2025). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Tái Hoàng Gia B. Xét yêu cầu của bà T thấy rằng: Việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, có công việc, thu nhập ổn định và cuộc sống của con chung vẫn ổn định nên đã đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định. Hơn nữa, nguyện vọng của các cháu T2 Hoàng Gia B là muốn được sống cùng với bà T, do đó, cần tiếp tục giao cháu B cho bà T nuôi dưỡng, phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Tái Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Tái Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Tái Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tái Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Tái Văn Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Tái Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0031921 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân